

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 25/02/2026

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		HSD+AMD	7:25	8+14	0+0		0+8	0+0	
2		BK4+PVD8	7:25	4+14	0+0		0+22	0+0	
3		RP2+MRM	7:25	5+14	0+0		0+14	0+0	
4		AMD+HSD	9:25	21+0	0+0		0+9	0+0	
5		P2+TD2+TD1	9:25	8+10+0	0+0+0		0+13+6	0+0+0	chuyen 1 Td2-TD1
6		MRM+PVD8	9:25	14+5	0+0		3+16	0+0	
7		PVD8+TD3+TD5	12:00	7+4+2	0+0+0		7+1+12	0+0+0	chuyen 2 Td3-TD5
8		RCS+BK16+CLO	12:00	2+18+0	0+0+0		0+0+7	0+0+0	

TTDSSX

Ghi Chú : Xem lịch bay sau 17h và mở rộng dòng này để xem tất cả các thông báo.
1/ Đi về trong ngày HSD-Sng



FLIGHT MANIFEST



DATE: 25/02/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: 420	ETD: 07:30
B.CARD: VIP+ CAM I	TO:HSD - AMD	CREW: NAM - SON - TÚ	ETA: 09:20
VSP FLIGHT: 01		VNHS FLIGHT: TM26/0871	

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KG			
1	VU MINH DUC	HSD						73	TLJOC	Vietnamese
2	DUONG TAN DA	HSD						83	TLJOC	Vietnamese
3	PHAN VIET DUNG	HSD						70	TLJOC	Vietnamese
4	NGUYEN XUAN LAM	HSD	74	1	3			79	TLJOC	Vietnamese
5	NGUYEN DUONG TUAN ANH	HSD	75	1	5			70	TLJOC	Vietnamese
6	NGUYEN VAN THIET	HSD						61	TLJOC	Vietnamese
7	TRINH BICH NGOC	HSD	72-73	2	15			70	TLJOC	Vietnamese
8	LE HONG GIANG	HSD						65	TLJOC	Vietnamese
9	DUONG NHAT QUANG	AMD	65	1	9			63	BAB	Vietnamese
10	NGUYEN VO BA LINH	AMD	60-61	2	14			77	HLJOC	Vietnamese
11	THAN CANH THINH	AMD	63-64	2	15			75	TLJOC	Vietnamese
12	VU HUU QUYET	AMD	58-59	2	13			71	ABS	Vietnamese
13	HO ANH QUOC	AMD	55	1	6			65	KH-THAC	Vietnamese
14	DUONG VAN DONG	AMD	56	1	5			59	KH-THAC	Vietnamese
15	LA NGOC HOAN	AMD	62	1	8			72	HLJOC	Vietnamese
16	NGUYEN CONG LUAT	AMD	52	1	10	4	70	80	HA VIET	Vietnamese
17	NGUYEN THANH TUAN	AMD	50	1	12			68	HA VIET	Vietnamese
18	ĐẶNG THẾ ĐẠI	AMD	51	1	8			52	HA VIET	Vietnamese
19	NGUYEN HUU HIEU	AMD	54	1	7			55	HA VIET	Vietnamese
20	NGUYEN TAN PHUNG	AMD	57	1	7			75	HA VIET	Vietnamese
21	NGUYEN VAN MANH	AMD	49	1	10			82	HA VIET	Vietnamese
22	NGUYEN MAU THONG	AMD	53	1	9			81	HA VIET	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	HSD	8	571	4	23	0	0	0		
2	AMD	14	975	17	133	4	70	8		
TOTAL		22	1.546	21	156	4	70	8		
WEIGHT KG			1.546		156		70			

GRAND TOAL: 1.772 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

NGUYỄN THỊ NGỌC HÀ

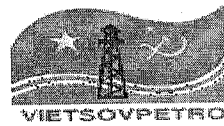
CREW

TRẦN HỒNG NAM
PHẠM THÁI SƠN





FLIGHT MANIFEST



DATE: 25/02/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: 406	ETD: 07:35
B.CARD: VANG-1	TO: BK4 - PVD8	CREW: HÙNG - NPHÚ - THÀNH	ETA: 09:25
VSP FLIGHT: 02		VNHS FLIGHT: TM26/0874	

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KG			
1	NGUYỄN KHANH HÙNG	BK4	03	1	9			78	CODIEN	Vietnamese
2	NGUYỄN PHẠM DUY KHANG	BK4	04-05	2	16			79	CODIEN	Vietnamese
3	PHAN VĂN HIỆU	BK4	08	1	10	1	13	60	CODIEN	Vietnamese
4	NGUYỄN QUANG TRUNG	BK4	06-07	2	18			79	CODIEN	Vietnamese
5	LŨ QUỐC KHANG	PVD8	11	1	8			65	INTL.SOS	Vietnamese
6	NGUYỄN VĂN TIẾN	PVD8	16	1	5			77	KHOAN	Vietnamese
7	NGUYỄN ĐÌNH HUYNH	PVD8	04	1	6			87	KHOAN	Vietnamese
8	NGUYỄN VĂN PHU	PVD8	02-03	2	14			70	DMC-MI	Vietnamese
9	PHAICHIT KOSONKARN	PVD8	08-09	2	20			72	DMC-MI	Thailand
10	HOANG VĂN HIỆU	PVD8	20-22	3	15	3	47	69	PVD LOGGI	Vietnamese
11	ĐỖ VĂN HỢP	PVD8	12	1	5	2	35	74	PVD DD	Vietnamese
12	ĐOÀN VĂN CƯỜNG	PVD8	13	1	8			65	PVD DD	Vietnamese
13	PHẠM NGỌC THIÊN PHÚC	PVD8	14-15	2	12			88	PVD DD	Vietnamese
14	ANG KANG TAY	PVD8	18-19	2	13			67	PVD DD	Malaysian
15	PHẠM VĂN ĐỖ	PVD8	06	1	7			65	PSV	Vietnamese
16	NGUYỄN VĂN NGHỊ	PVD8	05	1	7			71	PSV	Vietnamese
17	ĐÀO VĂN TIẾN	PVD8	07	1	10			60	PSV	Vietnamese
18	NGUYỄN VIỆT TOÀN	PVD8	10	1	9			91	PSV	Vietnamese
19	LE QUYẾT THANG	PVD8	17	1	5			73	PVD	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	BK4	4	296	6	53	1	13	0		
2	PVD8	15	1.094	21	144	5	82	22		
TOTAL		19	1.390	27	197	6	95	22		
WEIGHT KG			1.390		197		95			

GRAND TOAL: 1,682 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

NGUYỄN THỊ HẰNG

CREW

LÊ QUÝ HUNG
ĐÀO NGỌC PHÚ





FLIGHT MANIFEST



DATE: 25/02/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: 424	ETD: 07:40
B.CARD: TRANG-1	TO:RP2 - MRM	CREW: LHM - HUC - DUNG	ETA: 09:30
VSP FLIGHT: 03		VNHS FLIGHT: TM26/0877	

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	TRAN VAN HUY	RP2	95	1	14	2	25	77	KH-THAC	Vietnamese
2	LE HONG LINH	RP2	94	1	10			82	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYEN HOANG AN	RP2	99	1	10			74	KH-THAC	Vietnamese
4	DO VAN TRUONG	RP2	96-97	2	19			63	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYEN QUOC HUNG	RP2	98	1	11	2	36	68	KH-THAC	Vietnamese
6	KARIMOV TAGIR G.	MRM	30	1	15			96	D-HANH	Russian
7	NGUYEN VAN THOI	MRM	36	1	12			67	KHOAN	Vietnamese
8	BUI THAI QUY	MRM	31-32	2	14			75	KHOAN	Vietnamese
9	FILATOV SERGEY	MRM	19	1	13			115	AMHGP	Russian
10	CHIRKIN DANIIL	MRM	33	1	6			71	AMHGP	Russian
11	NGUYEN VIET TRUNG	MRM	20	1	11			80	KHOAN	Vietnamese
12	LE NGUYEN THANH MINH	MRM	21	1	7			80	KHOAN	Vietnamese
13	KVARTNIKOV ANTON	MRM	34-35	2	16			111	AMHGP	Russian
14	ZASTAVNYI VASILII	MRM	26-27	2	15			80	AMHGP	Russian
15	VOLOSNOV DMITRII	MRM	28-29	2	12			70	AMHGP	Russian
16	KOROL YURIY	MRM	24	1	16			83	AMHGP	Russian
17	KIEU TUAN ANH	MRM	22-23	2	11			85	DVL	Vietnamese
18	VUONG KIEN QUOC	MRM	25	1	7			77	DVL	Vietnamese
19	NGUYEN VAN THU	MRM	37	1	15			65	DVL	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	RP2	5	364	6	64	4	61	0		
2	MRM	14	1.155	19	170	0	0	14		
TOTAL		19	1.519	25	234	4	61	14		
WEIGHT KG			1.519		234		61			

GRAND TOAL: 1.814 KGS

VSP REP.

NGUYEN THUC HA

VNHS REP.

VU THI THU HUONG

CREW

LUU THANH HAI
HOANG ANH DUC



FLIGHT MANIFEST



DATE: 25/02/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: 420	ETD: 09:50
B.CARD: CAM-2	TO:AMD - HSD	CREW: NAM - SON - TÚ	ETA: 11:40
VSP FLIGHT: 04		VNHS FLIGHT: TM26/0872	

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	NGUYỄN VĂN TUYỀN	AMD	82	1	8	2	40	70	HA VIỆT	Vietnamese
2	DUƠNG KHÁC TÙNG	AMD	85	1	7			63	HA VIỆT	Vietnamese
3	NGUYỄN QUỐC TUẤN	AMD	81	1	14			60	HA VIỆT	Vietnamese
4	PHAN LÊ THANH TIN	AMD	86	1	6			81	HA VIỆT	Vietnamese
5	TRỊNH NGỌC HÙNG	AMD	89	1	7			59	HA VIỆT	Vietnamese
6	VÕ THANH TRUNG	AMD	90-91	2	8			50	HA VIỆT	Vietnamese
7	LÊ HỮU LỘC	AMD	77	1	6			60	HA VIỆT	Vietnamese
8	NGUYỄN TUẤN HÙNG	AMD	95	1	11			81	PHATECO	Vietnamese
9	NGUYỄN VĂN MINH	AMD	71-72	2	18			75	PHATECO	Vietnamese
10	VÕ MẠNH HÀ	AMD	75-76	2	12			76	PHATECO	Vietnamese
11	TRẦN PHƯƠNG ĐẠI	AMD	78	1	5			82	PHATECO	Vietnamese
12	NGUYỄN VĂN HOÀN	AMD	73	1	10			71	PHATECO	Vietnamese
13	VŨ VĂN VINH	AMD	70	1	6			66	PHATECO	Vietnamese
14	LÝ NGỌC THANH	AMD	87	1	15			62	PHATECO	Vietnamese
15	NGUYỄN VĂN ĐẠI	AMD	84	1	10			65	PHATECO	Vietnamese
16	ĐÌNH CÔNG TRINH	AMD	83	1	9			75	PHATECO	Vietnamese
17	LÊ NHƯ HÙNG	AMD	79	1	9			56	PHATECO	Vietnamese
18	HỒ VĂN BÌNH	AMD	80	1	8			63	PHATECO	Vietnamese
19	VŨ NGỌC CHINH	AMD	88	1	10			57	PHATECO	Vietnamese
20	DUƠNG ĐÌNH HOE	AMD	92	1	10			53	PHATECO	Vietnamese
21	NGUYỄN DUY ĐÀN	AMD	74	1	8			73	PHATECO	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	AMD	21	1.398	24	197	2	40	0		
2	HSD	0	0	0	0	0	0	9		
TOTAL		21	1.398	24	197	2	40	9		
WEIGHT KG			1.398		197		40			

GRAND TOAL: 1.635 KGS

VSP REP

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

VŨ THỊ THU HƯƠNG

CREW

TRẦN HỒNG NAM
PHẠM THÁI SON





FLIGHT MANIFEST



DATE: 25/02/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: 406	ETD: 09:55
B.CARD: TRANG-2	TO: P2 - TD2 - TD1	CREW: HUNG - NPHU - THANH	ETA: 11:45
VSP FLIGHT: 5		VNHS FLIGHT: TM26/0875	

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KG			
1	NGUYEN TRUONG SINH	P2	17	1	8			71	DVL	Vietnamese
2	NGUYEN QUANG HOAN	P2	19-20	2	22			79	DVL	Vietnamese
3	PHAM VAN SANG	P2	15-16	2	18			70	DVL	Vietnamese
4	VU ANH TRONG	P2	10	1	12	2	27	66	DVL	Vietnamese
5	NGUYEN THANH TRUNG	P2	14	1	12			75	DVL	Vietnamese
6	LE MINH PHUONG	P2	11-12	2	12			60	DVL	Vietnamese
7	BUI HUU LAN	P2	13	1	4			76	KHI	Vietnamese
8	TRAN SON HAI	P2	18	1	6			74	KHI	Vietnamese
9	NGUYEN THE DUNG	TD2	17	1	10	3	60	67	KHOAN	Vietnamese
10	DINH CHI CONG	TD2	25	1	14			67	KHOAN	Vietnamese
11	KOMARITSKIKH K.	TD2	29	1	10			99	KH-THAC	Russian
12	TRAN MANH QUE	TD2	26	1	9			80	KH-THAC	Vietnamese
13	DANG DUC THUAN	TD2	28	1	13			78	KH-THAC	Vietnamese
14	TRUONG HONG HAI	TD2	27	1	12			84	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYEN VAN DOAN	TD2	23-24	2	21			60	SCHLUMBE	Vietnamese
16	VU TAN HOA	TD2	21-22	2	15			73	SCHLUMBE	Vietnamese
17	HOANG VAN THANG	TD2	18-19	2	19			64	XAYLAP	Vietnamese
18	DO LE SON	TD2	20	1	12			79	XAYLAP	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE				ARRIVAL		REMARK		
		PAX	PAX WT	BAG.		PAX	CARGO			
				PCS	WT				PCS	WT
1	P2	8	571	11	94	2	27	1		
2	TD2	10	751	13	135	3	60	13	✓	CHUYEN 1 PAX TD2-TD1
3	TD1	0	0	0	0	1	20	6		
TOTAL		18	1.322	24	229	6	107	20		
WEIGHT KG			1.322		229		107			

GRAND TOAL: 1.658 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

ĐẶNG THÚY ANH

CREW

LÊ QUÝ HUNG
ĐÀO NGỌC PHÚ



FLIGHT MANIFEST



DATE: 25/02/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: 424	ETD: 10:00
B.CARD: VANG-2	TO:MRM - PVD8	CREW: LHM - HUC - DUNG	ETA: 11:50
VSP FLIGHT: 6		VNHS FLIGHT: TM26/0878	

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	DUONG BA VINH	MRM	14	1	14			96	DVL	Vietnamese
2	NGUYEN HUU VIET	MRM	18	1	14			70	DVL	Vietnamese
3	LUU BA XO	MRM	16-17	2	19			82	DVL	Vietnamese
4	DAO VAN YEN	MRM	12	1	11			66	DVL	Vietnamese
5	TONG TIEN QUANG	MRM	15	1	16			82	DVL	Vietnamese
6	TRAN CONG CHIEN	MRM	19	1	15			83	DVL	Vietnamese
7	LY NHAT TRUONG	MRM	20	1	13			76	DVL	Vietnamese
8	PHAM VAN TUONG	MRM	13	1	11			83	DVL	Vietnamese
9	NGUYEN BA TUAN	MRM	30	1	5			54	AMNGR	Vietnamese
10	HOANG VAN LUAN	MRM	25-26	2	21			71	AMNGR	Vietnamese
11	PHAM VAN HOANG	MRM	13-14	2	6			58	AMNGR	Vietnamese
12	THAI HUU MINH	MRM	29	1	8			111	AMNGR	Vietnamese
13	GIANG MINH TRUONG	MRM	25-26	2	18			94	AMNGR	Vietnamese
14	NGUYEN HUU KHOA	MRM	20-21	2	17			51	AMNGR	Vietnamese
15	NGUYEN VAN DAI	PVD8	38	1	7			64	PVDO	Vietnamese
16	HOANG GIA KHOI	PVD8	41	1	7			57	PVDO	Vietnamese
17	LE DUY KHANH	PVD8	40	1	4	2	22	53	PVDO	Vietnamese
18	NGUYEN ANH HUNG	PVD8	39	1	4			67	PVDO	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE				ARRIVAL		REMARK	
		PAX	PAX WT	BAG.		PAX	CARGO		
				PCS	WT				PCS
1	MRM	14	1.077	19	188	0	0	3	
2	PVD8	4	241	4	22	2	22	16	
TOTAL		18	1.318	23	210	2	22	19	
WEIGHT KG			1.318		210		22		

GRAND TOAL: 1.550 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

NGUYỄN THỊ NGỌC HÀ

CREW

LUU THANH HAI
HOANG ANH DUC



FLIGHT MANIFEST



DATE: 25/02/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: 420	ETD: 12:10
B.CARD: VANG-3	TO: PVD8 - TD3 - TD5	CREW: KHOAN - N.CUONG - TOAN	ETA: 14:00
VSP FLIGHT: 7		VNHS FLIGHT: TM26/0873	

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	TRẦN VIỆT NAM	PVD8	05	1	3			71	PVDO	Vietnamese
2	NGUYỄN VĂN HOÀ	PVD8	09	1	4			72	PVDO	Vietnamese
3	VŨ VĂN TĂNG	PVD8	04	1	5			66	PVDO	Vietnamese
4	PHẠM VĂN LƯU	PVD8	02	1	5			56	PVDO	Vietnamese
5	VŨ VIỆT ĐỨC	PVD8	07-08	2	7			101	PVDO	Vietnamese
6	NGUYỄN TIẾN PHÚC	PVD8	06	1	2			80	PVD DD	Vietnamese
7	NGUYỄN VĂN DUẬN	PVD8	03	1	11			71	PVDWS	Vietnamese
8	NGUYỄN VŨ ĐÌNH DUY	TD3	68-69	2	20			74	DVL	Vietnamese
9	ĐẶNG QUỐC ĐẠT	TD3	46	1	13			81	DVL	Vietnamese
10	HOANG BA THANG	TD3	67	1	16			61	DVL	Vietnamese
11	PHAN VINH TRUONG	TD3	70	1	13			72	DVL	Vietnamese
12	PHẠM ĐÌNH LỘ	TD5	43	1	7	4	70	60	KHOAN	Vietnamese
13	TRẦN VĂN VIỆT	TD5	41	1	5	1	19	69	XAYLAP	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	PVD8	7	517	8	37	0	0	7		
2	TD3	4	288	5	62	0	0	2+2		CHUYEN 2 PAX TD3-TD5
3	TD5	2+2	129	2	12	5	89	12		
TOTAL		13	934	15	111	5	89	21		
WEIGHT KG			934		111		89			

GRAND TOAL: 1.134 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CREW

NGUYỄN THỨC HÀ

VŨ THỊ THU HƯƠNG

ĐỖ XUÂN HOÀN
PHAN NHƯ CƯỜNG





FLIGHT MANIFEST



DATE: 25/02/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: 406	ETD: 12:15
B.CARD: NAU-3	TO: RC5 - BK16 - CLO	CREW: HUNG - TTRUNG - NNAM	ETA: 14:05
VSP FLIGHT: 8		VNHS FLIGHT: TM26/0876	

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KG			
1	HA VAN NGHIA	RC5	65-66	2	18			61	XAYLAP	Vietnamese
2	VU VAN TOAN	RC5	67-68	2	16	1	14	69	XAYLAP	Vietnamese
3	DO VAN TUOI	BK16	82-83	2	15			65	XAYLAP	Vietnamese
4	NGUYEN QUY THUAN	BK16	88-89	2	16			54	XAYLAP	Vietnamese
5	LUONG VAN THUC	BK16	66	1	12			79	XAYLAP	Vietnamese
6	NGUYEN PHI HUNG	BK16	78-79	2	11			63	XAYLAP	Vietnamese
7	NGUYEN TRUNG DINH	BK16	72	1	13			57	XAYLAP	Vietnamese
8	LE DANG TIEN	BK16	80-81	2	18			59	XAYLAP	Vietnamese
9	NGUYEN VAN TAN	BK16	85	1	19			53	XAYLAP	Vietnamese
10	NGUYEN XUAN HUNG	BK16	92	1	17			55	XAYLAP	Vietnamese
11	TRAN TUAN VIET	BK16	86	1	10	1	12	61	XAYLAP	Vietnamese
12	PHAM TUAN ANH	BK16	90-91	2	17			46	XAYLAP	Vietnamese
13	TRINH DINH THANH	BK16	67	1	10	1	15	53	XAYLAP	Vietnamese
14	VO VAN DAO	BK16	75	1	10			67	XAYLAP	Vietnamese
15	BUI DINH SANG	BK16	73-74	2	12			49	XAYLAP	Vietnamese
16	PHAM VAN DOAN	BK16	65	1	16			65	XAYLAP	Vietnamese
17	NGUYEN NHAT MINH	BK16	76	1	10	1	12	84	XAYLAP	Vietnamese
18	LE VAN DUNG	BK16	71	1	15			72	XAYLAP	Vietnamese
19	TRAN VAN VINH	BK16	69-70	2	19			71	XAYLAP	Vietnamese
20	NGUYEN DUY DAI	BK16	84	1	4	1	22	129	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	RC5	2	130	4	34	1	14	0		
2	BK16	18	1.182	25	244	4	61	0		
3	CLO	0	0	0	0	0	0	7		
TOTAL		20	1.312	29	278	5	75	7		
WEIGHT KG			1.312		278		75			

GRAND TOAL: 1.665 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CREW

NGUYEN THUC HA

NGUYEN THI MY HANH

LE QUY HUNG
NGUYEN THANH TRUNG